TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 189/2022/DS-ST
Ngày: 29/9/2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thái Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hữu Trọng

2. Bà Trần Nguyệt Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương – Thư ký Tòa án Quận 5.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung– Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân Quận 5, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 100/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/ĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2022/QĐST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2022/QĐST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2022/QĐXXST-DS ngày 9 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA

Địa chỉ trụ sở: 130 PĐ, Phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phan Thị Như L, sinh năm 1993 - Là người đại diện theo ủy quyền theo Quyết định ủy quyền số 23/QĐ-ADG ngày 28 tháng 10 năm 2021 (Có đơn đề nghị vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Quang N, sinh năm 1968; Địa chỉ: 260 L, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn tại đơn khởi kiện ngày 07/4/2021 (Công văn đến Tòa án ngày 22/4/2021), trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án có bà Phan Thị Như L là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 18/03/2009, ông Lê Quang N (Sau đây viết tắt là bị đơn) làm Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi đề nghị Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA (Sau đây viết tắt là nguyên đơn) cung cấp dịch vụ thấu chi và bị đơn đồng ý với bản Điều kiện và Điều khoản sử dụng dịch vụ của nguyên đơn. Nguyên đơn đã phê duyệt hạn mức thấu chi với số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn sử dụng 04 tháng (từ ngày 18/3/2009 đến 18/7/2009), lãi suất trong hạn 1,07%/tháng, lãi suất quá hạn 1,605%/tháng.

Sau khi được cấp dịch vụ, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 13.176.325 đồng. Trong quá trình sử dụng dịch vụ, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 11.057.798 đồng, ngày thanh toán cuối cùng là 17/10/2009. Qua nhiều lần nguyên đơn làm việc và nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không có thiện chí trả nợ.

Tính đến ngày 29/9/2022, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 12.518.209 đồng theo giấy đề nghị sử dụng dịch vụ thấu chi, trong đó:

+ Nợ quá hạn: 3.828.929 đồng;

+ Lãi quá hạn: 8.689.280 đồng;

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ của hợp đồng nêu trên tính đến ngày 29/9/2022 là 12.518.209 đồng, ngoài ra kể từ ngày 30/9/2022 bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi và bản Điều kiện và Điều khoản sử dụng dịch vụ của nguyên đơn cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn xác định chỉ cho cá nhân bị đơn vay nên chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân bị đơn trả nợ, không yêu cầu đối với ai khác.

Về phía bị đơn ông Lê Quang N, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định pháp luật nhưng bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do, không có văn bản, ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 5:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi mà bị đơn đã ký, bản Điều kiện và Điều khoản sử dụng dịch vụ của nguyên đơn thì thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay theo Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi, bản Điều kiện và Điều khoản sử dụng dịch vụ của nguyên đơn - Đây là "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" là loại tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại đơn khởi kiện nguyên đơn cung cấp địa chỉ cư trú hiện tại của bị đơn ông Lê Quang N là số 260 L, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo địa chỉ được bị đơn ghi trong giao dịch Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi thể hiện bị đơn cư trú tại địa chỉ số 260 L, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo kết quả trả lời của Công an Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh tại Văn bản xác minh ngày 18/12/2021 thì đương sự Lê Quang N, sinh năm 1968 có đăng ký thường trú tại địa chỉ nêu trên nhưng hiện không còn cư trú tại địa phương và đang đăng ký tạm trú tại số 290/8 T, phường BT, quận B.

Theo kết quả trả lời của Công an phường BT, quận B thì ông Lê Quang N không đăng ký tạm trú tại địa chỉ 290/8 T, phường BT, quận B và không thực tế cư trú tại địa chỉ này. Do đó, bị đơn nay cư trú tại địa chỉ nào thì chưa rõ.

Căn cứ vào Khoản 5.5 Điều 5 Chương II của bản Điều kiện và điều khoản sử dụng dịch vụ của nguyên đơn thì việc thay đổi thông tin chủ thẻ phải thông báo ngay cho đơn vị phát hành thẻ.

Vì vậy trong đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đúng và đầy đủ địa chỉ nơi cư trú của bị đơn. Nay bị đơn vắng mặt tại địa phương nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

[1.3] Đối với nguyên đơn có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[1.4] Đối với bị đơn ông Lê Quang N là trường hợp được coi là cố tình giấu địa chỉ, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh: Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi và không phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc trên theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vốn và lãi tính đến ngày 29/9/2022 theo Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi ngày 18/02/2009 với số tiền là 12.518.209 đồng, trong đó dư nợ quá hạn là 3.828.929 đồng và dư lãi quá hạn là 8.689.280 đồng; Yêu cầu trả ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra kể từ ngày 30/9/2022, bị đơn còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Căn cứ Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi ngày 18/03/2009 được ký giữa nguyên đơn và bị đơn, tóm tắt sao kê thẻ tín dụng và các chứng cứ khác trong hồ sơ có cơ sở xác định bị đơn có đề nghị vay và đã được nguyên đơn chấp thuận cho vay và giải ngân số tiền 10.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã thanh toán được số tiền 11.057.798 đồng. Tính đến ngày 29/9/2022, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 12.518.209 đồng, trong đó nợ quá hạn là 3.828.929 đồng và lãi quá hạn là 8.689.280 đồng.

[3.2] Căn cứ theo các điều khoản ký kết trong Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi ngày 18/03/2009 thì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ Khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì "bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn". Đến nay bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ tính đến ngày 29/9/2022 số tiền là 12.518.209 đồng, trong đó nợ quá hạn là 3.828.929 đồng và lãi quá hạn là 8.689.280 đồng là phù hợp với các điều khoản trong theo Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi đã ký kết, phù hợp Điều 1, 2, 3 Chương II của bản Điều kiện và điều khoản sử dụng dịch vụ đính kèm theo Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm bị đơn vẫn phải trả lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

[3.3] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên được chấp nhận nên phía bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là 625.910 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo quy định của pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung 2014;

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA có bà Phan Thị Như L là người đại diện theo ủy quyền và vắng mặt bị đơn là ông Lê Quang N.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA.

2.1. Buộc ông Lê Quang N phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA tổng số tiền nợ tính đến ngày 29/9/2022 là 12.518.209 (Mười hai triệu năm trăm mười tám nghìn hai trăm lẻ chín) đồng, trong đó dư nợ quá hạn là 3.828.929 (Ba triệu tám trăm hai mươi tám nghìn chín trăm hai mươi chín) đồng và dư lãi quá hạn là 8.689.280 (Tám triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn hai trăm tám mươi) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

2.2. Kể từ ngày 30/9/2022, ông Lê Quang N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi ngày 18/03/2009 và bản Điều kiện và điều khoản sử dụng dịch vụ cho đến khi thi hành án xong.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Quang N phải chịu 625.910 (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn chín trăm mười) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều

7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TpHCM;
- VKSND Q5;
- Chi cục THADS Q5;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ ().

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Thái Hòa